TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/HS-PT
Ngày: 29-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân

*Các Thẩm phán:*Ông Võ Thanh Bình;

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 29 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 267/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo Võ Thị Thúy H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2024/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Võ Thị Thúy H, sinh năm 1981, tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: khu phố A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Công chức; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Ẩ (đã chết) và bà Đặng Thị T; có chồng tên Phan Trọng N và có 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

(Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Thúy H:

1. Bà Dương Thị Kim L - Luật sư Văn phòng L4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt);

2. Bà Trương Thị Thanh T1 – Luật sư Văn phòng L4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt);

- Bị hại: Quỹ Bảo trợ trẻ em huyện T*;* địa chỉ: Khu phố B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn H1 – Chức vụ: Giám đốc (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trang Thị Cẩm N1, sinh năm 1988 (có mặt);

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

2. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

3. Ông Đoàn Văn N2, sinh năm 1974 (có mặt);

Nơi cư trú: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

4. Ông Nguyễn Tuấn H1, sinh năm 1977 (có mặt);

Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

5. Ông Nguyễn Thái B, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

6. Bà Nguyễn Thị Ngọc U, sinh năm 1989 (có mặt);

Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

7. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T;

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Hoàng L1 – Chức vụ: Trưởng phòng (có mặt);

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Văn N3, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974 (có mặt);

Nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông Bùi Văn C, sinh năm 1988 (có mặt);

Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

5. Ông Lý Thành P, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).;

Nơi cư trú: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

6. Ông Nguyễn Văn N4, sinh năm 1981(vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1981(có mặt);

Nơi cư trú: khu phố C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

8. Ông Lê Văn L2, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Nơi cư trú: khu phố B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

9. Đỗ Thị Hồng T3, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang

10. Hồ Thị Thu T4, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/8/2019, Ủy ban nhân dân huyện T biệt phái Võ Thị Thúy H - công chức Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện đến nhận công tác tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T. Ngày 12/8/2019, Phòng L huyện ban hành Quyết định số 06/QĐ-LĐTBXH phân công H phụ trách kế toán của Phòng.

Ngày 19/8/2019, Ủy ban nhân dân huyện T quyết định phân công H thay thế ông Lý Thành P làm kế toán Quỹ Bảo trợ trẻ em huyện. Theo quyết định thì H thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều 2 Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T: là thành viên Hội đồng Bảo trợ Quỹ trẻ em huyện T; chức vụ, quyền hạn: Kế toán Quỹ; Nhiệm vụ: Tổ chức hoạt động theo Luật Trẻ em năm 2016 và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ; vận động sự đóng góp của các cá nhân, tổ chức kinh tế - xã hội, các tổ chức từ thiện trong, ngoài nước và viện trợ quốc tế cho sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; kiểm tra, giám sát việc sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em; tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động về Uỷ ban nhân dân huyện.

Căn cứ Thông tư 87/2008/TT-BTC ngày 08/10/2008 của Bộ T7 quy định về quản lý và sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em và Quyết định số 68/QĐ-HĐBTQBTTE ngày 26/6/2019 của Hội đồng bảo trợ Quỹ Bảo trợ trẻ em huyện T quy định thu, chi, như sau:

Thu: nhận đóng góp dưới dạng quà hoặc tiền, đối với tiền sẽ chuyển khoản hoặc nhận tiền mặt.

Hình thức chuyển khoản do cá nhân, tổ chức chuyển tiền đến số tài khoản 6908201000111 của Quỹ Bảo trợ trẻ em huyện T mở tại Ngân hàng N5 chi nhánh huyện T.

Tiền mặt được thu bằng Biên lai thu tiền đóng thành cuốn, phát hành theo mẫu và đóng dấu treo Hội đồng quản lý – Quỹ bảo trợ trẻ em huyện T (gọi tắt là Biên lai) do kế toán Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T kiêm kế toán Quỹ Bảo trợ trẻ em huyện T thu đối với cá nhân, tổ chức đến đóng góp tại

Trụ sở hoặc định kỳ công chức Văn hóa - xã hội phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội của Ủy ban nhân dân các xã nhận cuốn Biên lai tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện để thu của cá nhân, tổ chức tại địa phương đóng góp Quỹ. Sau đó, công chức Văn hóa - xã hội xã mang cuốn Biên lai và tiền mặt đã thu được đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện để quyết toán lai bằng hình thức kế toán đương nhiệm nhận, kiểm tra cuốn Biên lai và tiến hành lập Phiếu thu (Mẫu C40-BB ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ T7) đối với tổng số tiền của tất cả các Biên lai mà công chức Văn hóa - xã hội xã thu được để giao cho thủ quỹ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện nhận tiền mặt nộp tiền vào tài khoản Quỹ mở tại Ngân hàng.

Chi: Chi đột xuất, L3, Tết và T5 hành động vì trẻ em.

Theo kết quả điều tra xác định: Do tính chất nguồn thu, chi Quỹ Bảo trợ trẻ em không thường xuyên và không liên tục như nêu trên và Hội đồng quản lý - Quỹ Bảo trợ trẻ em huyện T không có thủ quỹ, đồng thời, do đặc thù công việc nhiều, đảm bảo gần như tất cả chế độ an sinh xã hội của huyện T, nên công chức Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện phải kiêm nhiệm nhiều việc. Để áp ứng yêu cầu công tác, khả năng của công chức, lãnh đạo Phòng L huyện đã phân công: công việc chính của H là kế toán Phòng; đối với nhiệm vụ kế toán Quỹ Bảo trợ trẻ em, nhằm đảm bảo tính thống nhất, dễ kiểm tra, quy về một đầu mối nên giao toàn bộ việc thu, giữ tiền, chi, quyết toán của Quỹ này cho kế toán H; các chứng từ thu, chi (biên lai quyết toán) sẽ được thủ quỹ Phòng L huyện ký bổ sung hoàn chỉnh theo quy định về chứng từ kế toán, tài chính.

Từ ngày 27/9/2022 đến ngày 07/11/2022, Thanh tra Nhà nước huyện T đã tiến hành thanh tra công tác quản lý và sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện. Sau khi xem xét các ý kiến giải trình của các cá nhân liên quan và của H, đã ban hành Kết luận số 79/KL-UBND ngày 14/11/2022, nêu rõ: Từ năm 2019 đến năm 2021, H không hạch toán sổ sách, không lập chứng từ thu, chi đầy đủ, lập chứng từ thu sai quy định Luật Kế toán 2015. Từ đó, lãnh đạo khó giám sát, kiểm tra dẫn đến H chiếm dụng tổng số tiền là 34.250.000 đồng tiêu xài cá nhân và đã nộp khắc phục vào tài khoản Quỹ Bảo trợ trẻ em mở tại Ngân hàng N5 chi nhánh huyện T. Chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra, bị cáo H kêu oan, không thừa nhận hành vi chiếm đoạt số tiền 34.250.000 đồng từ Quỹ Bảo trợ trẻ em như Kết luận thanh tra quy kết. H cho rằng, với trách nhiệm, quyền hạn được giao là kế toán Quỹ, H thực hiện nhiệm vụ theo Luật Kế toán, không giữ tiền thu được từ Quỹ. Tất cả các số tiền thu được

của Q được ra biên lai chứng từ đúng quy định, đã giao tiền cho thủ quỹ là bà Trang Thị Cẩm N1 theo quy định.

Qua điều tra, căn cứ tài liệu Thanh tra, các tài liệu, chứng cứ thu thập từ Phòng T, Ngân hàng N5 chi nhánh huyện, Uỷ ban nhân dân các xã; lời khai của nguyên lãnh đạo, lãnh đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện đã có đủ căn cứ xác định: H đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là kế toán Quỹ Bảo trợ trẻ em huyện T với nhiệm vụ quản lý thu, giữ tiền, chi, quyết toán tiền của Q, đã chiếm đoạt tổng số tiền 37.244.680 đồng mà bị cáo có trách nhiệm quản lý, cụ thể như sau:

Tiền Quỹ 17.550.000 đồng thu từ Ủy ban nhân dân xã H:

Ngày 29/10/2019, bà Nguyễn Thị Ngọc U - Công chức Văn hóa - xã hội phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội Ủy ban nhân dân xã H mang 22 Biên lai thu tiền gồm: Biên lai số 004486 đến số 004488 cùng ngày 05/9/2019; Biên lai số 004489 đến số 004498 cùng ngày 06/9/2019; Biên lai số 004499; 004500 cùng ngày 07/9/2019; Biên lai số 004440 ngày 25/9/2019; Biên lai số 004444 đến số 004446 cùng ngày 02/10/2019; Biên lai số 004447 ngày 04/10/2019; Biên lai số 004448 ngày 10/10/2019; Biên lai số 004449 ngày 11/10/2019, Biên lai số 004450 ngày 14/10/2019 và tiền mặt 8.550.000 đồng đến giao cho H nhận để thực hiện việc quyết toán, H không lập Phiếu thu ngay tại thời điểm quyết toán mà lập bổ sung Phiếu thu số 09 ngày 29/10/2019.

Ngày 08/11/2019, bà Nguyễn Thị Ngọc U mang 09 Biên lai thu tiền gồm các số 004323; 004324; 004325; 004326; 004327; 004328; 004329; 004330 và 004331 cùng ngày 08/11/2019 và tiền mặt 9.000.000 đồng đến giao cho H nhận để thực hiện việc quyết toán, nhưng H không có lập Phiếu thu số tiền nêu trên.

Tiền Quỹ 1.800.000 đồng thu từ Ủy ban nhân dân xã T 2:

Ngày 07/11/2019, ông Trần Văn N3 - Công chức Văn hóa - xã hội phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội Ủy ban nhân dân xã T 2 mang Biên lai số 004322 và số tiền 1.000.000 đồng đến giao cho H để thực hiện việc quyết toán. H ra Phiếu thu số 10 để ông N3 giao số tiền 1.000.000 đồng cho bà Trang Thị Cẩm N1 - Thủ quỹ Phòng L huyện nhận. Sau đó, bà N1 đã giao số tiền này cho H.

Ngày 13/11/2019, ông Trần Văn N3 mang số tiền 800.000 đồng và Biên lai số 004335 đến giao cho H nhận quyết toán, nhưng H không ra Phiếu thu ngay mà qua khoảng 02 ngày sau, H lập bổ sung Phiếu thu số 11 ngày 13/11/2019.

Tiền Quỹ 3.000.000 đồng thu từ Ủy ban nhân dân xã T:

Ngày 15/11/2019, ông Nguyễn Văn Đ - Công chức Văn hóa - xã hội phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội Ủy ban nhân dân xã T mang Biên lai thu tiền số 004537 ngày 10/10/2019; Biên lai thu tiền số 004538 ngày 14/10/2019 và

tiền mặt 3.000.000 đồng đến giao cho H để thực hiện việc quyết toán nhưng H không có lập Phiếu thu, mà sau đó H lập bổ sung Phiếu thu số 13 ngày 15/11/2019.

Tiền Quỹ 2.900.000 đồng thu từ Ủy ban nhân dân xã T:

Ngày 15/11/2019, ông Bùi Văn C - Công chức Văn hóa - xã hội phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội Ủy ban nhân dân xã T mang các Biên lai thu tiền số 004332; 004333; số 004334 và tiền mặt 2.900.000 đồng đến giao cho H nhận để thực hiện việc quyết toán, H ra Phiếu thu số 12 ngày 15/11/2019, ông C giao số tiền 2.900.000 đồng cho bà Trang Thị Cẩm N1. Sau đó, bà N1 giao lại cho H.

Tiền Quỹ 1.580.000 đồng thu từ Ủy ban nhân dân xã T 1:

Ngày 25/11/2019, bà Nguyễn Thị Ngọc Á - Công chức Văn hóa - xã hội phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội Ủy ban nhân dân xã T 1 mang Biên lai thu tiền số 004539 ngày 16/10/2019 và tiền mặt 1.580.000 đồng đến giao Biên lai thu tiền và tiền cho H để quyết toán, H ra Phiếu thu số 14 ngày 25/11/2019, bà Á giao số tiền 1.580.000 đồng cho bà Trang Thị Cẩm N1. Sau đó, bà N1 giao lại cho H.

H đã lập tất cả các chứng từ thu, chi tiền Quỹ Bảo trợ trẻ em nêu trên không kịp thời, không đầy đủ thành phần theo quy định tài chính, kế toán, không nộp tiền vào tài khoản Quỹ Bảo trợ trẻ em theo quy định, đã được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện T phát hiện thông qua thực hiện quyết toán và yêu cầu khắc phục. Từ đó, lãnh đạo Phòng L huyện chỉ đạo H và những người có liên quan hợp thức hóa, bổ sung phiếu thu, chi chứng từ Quỹ Bảo trợ trẻ em đúng quy định tài chính, kế toán để lưu trữ.

Như vậy, bà Nguyễn Thị Ngọc U, ông Trần Văn N3, ông Nguyễn Văn Đ, ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc Á đã nộp quyết toán cho Võ Thị Thúy H số tiền 26.830.000 đồng, nhưng H đã không nộp vào tài khoản của Quỹ Bảo trợ trẻ em theo quy định mà chiếm đoạt. Ngày 31/12/2019, H in Sổ phụ thể hiện thông tin số tiền trong tài khoản 6808201000111 của Quỹ Bảo trợ trẻ em huyện T, lập kết thúc Sổ tiền gửi ngân hàng, kho bạc năm 2019 trình ông Nguyễn Tuấn H1 - Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em huyện ký kết thúc Sổ tiền gửi, không có số tiền này.

Chiếm đoạt 8.969.680 đồng tiền Quỹ vận động xã hội hóa tổ chức Tết Trung thu cho trẻ em huyện: Trong các ngày 23, 24, 25/9/2019, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T vận động được 41.000.000 đồng từ Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn P1 để giao cho H mua 750 bánh trung thu tổ chức tết Trung thu cho trẻ em huyện. Sau khi nhận tiền, H liên hệ Bưu điện huyện T mua 750 bánh trung thu với tổng số tiền 35.000.000 đồng theo Hóa đơn bưu chính số 0008115 ngày 04/10/2020. H bàn giao 680 bánh theo

quy định và chiếm đoạt 70 bánh với giá mua 42.424đồng/bánh, thành tiền là 2.969.680 đồng. Sau đó, H báo cáo lãnh đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện đã sử dụng hết số tiền và bánh trong việc tổ chức trung thu cho trẻ em huyện.

Chiếm đoạt số tiền 1.045.000 đồng, như sau:

Năm 2020, tổng số tiền thu được theo Biên lai là 118.922.000 đồng, H giao cho bà Trang Thị Cẩm N1 nộp vào tài khoản 6908201000111 số tiền 112.792.000 đồng. Như vậy, theo chứng từ thì H còn giữ lại số tiền 6.130.000 đồng, cộng với số tiền 70.000 đồng từ việc hủy biên lai thu số 004543 ngày 27/3/2020 của ông Nguyễn Đức T6 giao, thành tổng số tiền 6.200.000 đồng. Tuy nhiên, trong số tiền 6.200.000 đồng, H đã quyết toán xong số tiền theo Biên lai thu tiền số 007251 của ông Nguyễn Đức T6 là 3.235.000 đồng và Biên lai thu số 007286 của ông Bùi Văn C số tiền 1.920.000 đồng. Do đó, số tiền còn lại là 1.045.000 đồng và bị H chiếm đoạt.

Chiếm đoạt số tiền 400.000 đồng vào ngày 17/12/2021 do Ban D đóng góp Quỹ theo Biên lai thu tiền số 007455.

Tổng cộng, H đã chiếm đoạt số tiền là 37.244.680 đồng (26.830.000 đồng + 6.000.000 đồng + 2.969.680 đồng + 1.045.000 đồng + 400.000 đồng = 37.244.680 đồng) (*ba mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi đồng).*

Dân sự: Quá trình thanh tra, xác định số tiền H chiếm đoạt là 34.250.000 đồng. Ông Dương Hoàng L1 góp 7.805.000 đồng và ông Nguyễn Tuấn H1 góp 3.000.000 đồng, cùng với H nộp khắc phục đủ số tiền này. Qua điều tra, xác định H chiếm đoạt 37.244.680 đồng, nên H phải tiếp tục nộp 2.994.680 đồng, bị cáo chưa thực hiện.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2024/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị Thúy H phạm tội "Tham ô tài sản".

1. Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 353, Điều 38, điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo 02 (*hai*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ về công tác tài chính thời hạn 02 (*hai)* năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước khởi tố vụ án hình sự đối với bà Trang Thị Cẩm N1 về hành vi chiếm đoạt số tiền 5.480.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2024, bị cáo Võ Thị Thúy H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên, với lý do: Bị cáo không có hành vi chiếm đoạt số tiền 28.750.000 đồng của Quỹ Bảo trợ trẻ em huyện T, số tiền bị mất của Quỹ bị cáo đã chứng minh bị cáo giao tiền cho thủ quỹ giữ bằng các phiếu thu có chữ ký nhận tiền của thủ quỹ Trang Thị Cẩm N1 và xác nhận của thủ trưởng đơn vị Nguyễn Tuấn H1. Do đó, Tòa án tuyên bị cáo phạm tội Tham ô tài sản và phạt 02 năm tù là không đúng với hành vi và bản chất sự việc.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Võ Thị Thúy H vẫn giữ nguyên nội dung trong đơn kháng cáo. Bị cáo xác định không có hành vi chiếm đoạt số tiền 28.750.000 đồng của Quỹ Bảo trợ trẻ em huyện T.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng đơn kháng cáo của bị cáo H trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết. Về nội dung:

+ Theo cáo trạng xác định số tiền chiếm đoạt là 37.244.680 đồng. Thanh Tra kết luận số tiền chiếm đoạt là 34.250.000 đồng. Bản án kết luận số tiền chiếm đoạt là 28.750.000 đồng là chưa thống nhất.

+ Theo bản kê biên lai thu tiền và số tiền đã nộp quỹ năm 2019 thể hiện bị cáo H chưa nộp quỹ 13.805.000 đồng nhưng cáo trạng xác định bị cáo H chiếm đoạt 26.830.000 đồng. Năm 2020 cáo trạng xác định bị cáo H chiếm đoạt 1.045.000 đồng nhưng theo hồ sơ bị cáo H và thủ quỹ nộp quỹ dư 1.855.000 đồng. Năm 2021 cáo trạng xác định bị cáo H chiếm đoạt 400.000 đồng nhưng theo hồ sơ H đã nộp đủ tiền vào quỹ.

+ Giai đoạn phúc thẩm bị cáo nộp 02 biên bản làm việc của Phòng Lao động – TBXH huyện T (bản photo) thể hiện nội dung làm việc liên quan số tiền 13.805.000 đồng chưa nộp quỹ năm 2019 và 6.100.000 đồng chưa nộp năm 2020. Đây là tài liệu chứng cứ quang trọng có trước khi có quyết định thanh tra, quyết định khởi tố vụ án nhưng không được Cơ quan điều tra thu thập đầy đủ theo đúng trình tự thủ tục tố tụng.

+ Tại phiên tòa cán bộ Thanh tra cung cấp bị cáo H thu tiền nhưng không ra biên lai thu theo quy định mà ra phiếu thu để chiếm đoạt tiền nhưng cáo trạng không có thể hiện nội dung này.

+ Thời gian ký khắc phục các chứng từ có thời gian khá dài (các chứng từ năm 2019 đến năm 2022 mới ký khắc phục) nên đề nghị giám định tuổi mực để làm rõ những chứng từ nào là chứng từ được khắc phục để làm rõ nội dung vụ án.

Do có nhiều vấn đề còn mâu thuẫn chưa được làm rõ đề nghị hủy toàn bộ bản án 28/2024/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại.

- Ý kiến luật sư bào chữa cho bị cáo:

+ Theo quy định của Luật Kế toán thì kế toán không được phép giữ tiền. Hồ sơ thể hiện bị cáo cũng không được lãnh đạo phân công giữ tiền. Đã không giữ tiền thì tiền ở đâu mà chiếm đoạt?

+ Số tiền chiếm đoạt là quá nhỏ. Động cơ mục đích là không có. Nếu có ý thức chiếm đoạt bị cáo phải chiếm đoạt số tiền lớn hơn nhiều. Đây chỉ là sơ sót làm thất thoát tiền.

+ Hồ sơ thể hiện bị cáo chính là người phát hiện ra việc chưa nộp vào quỹ năm 2019 là 13.805.000 đồng và chủ động báo cáo lãnh đạo để giải quyết. Việc nộp tiền khắc phục là do lãnh đạo động viên và cùng khắc phục cho im chuyện.

+ Hóa đơn chứng từ (các phiếu thu) đều có chữ ký đầy đủ của lãnh đạo, kế toán, người nộp và thủ quỹ nên không thể nói bị cáo giữ tiền và chiếm đoạt.

+ Các biên lai đã sử dụng thu tiền đều được kê khai báo cáo đầy đủ cho lãnh đạo và quyết toán với phòng Tài chính không có để ngoài sổ sách nhằm mục đích chiếm đoạt.

+ Toàn bộ số tiền chưa nộp đã được nộp khắc phục theo thủ tục hành chính trước khi có quyết định thanh tra nên không có việc chiếm đoạt tiền.

* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội Tham ô tài sản. Trường hợp Hội đồng xét xử xét thấy chưa đủ căn cứ thì đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Cáo trạng số 04/CT-VKSTP ngày 17-01-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xác định bị cáo H tham ô các khoản tiền sau:

- Tiền mua bánh trung thu năm 2019 là 8.969.680 đồng. Trong đó 6.000.000 đồng tiền mặt và 70 bánh trung thu tương đương số tiền là 2.969.680 đồng.

- Tiền Quỹ Bảo trợ trẻ em huyện T các năm: năm 2019 là 26.830.000 đồng; năm 2020 là 1.045.000 đồng; năm 2021 là 400.000 đồng.

[**1.**] Đối với số tiền bánh trung thu:

- Án sơ thẩm xác định số tiền 6.000.000 đồng còn dư từ tiền vận động mua bánh trung thu đã được nộp chung số tiền 16.000.000 đồng vào ngày 11/11/2020 nên bị cáo không có chiếm đoạt số tiền này.

- Tại phiên toà sơ thẩm, ông N2 nguyên là lãnh đạo Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện vào thời điểm đó xác định 70 bánh trung thu này đã được phân phát. Chứng từ không có người ký nhận chỉ là thiếu sót về mặt hình thức. Không có căn cứ nào chứng minh bị cáo chiếm đoạt số bánh này. Do đó cấp sơ thẩm xác định bị cáo không chiếm đoạt 70 bánh trung thu với số tiền là 2.969.680 đồng.

* Sau khi xét xử sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị về nội dung này.

2. Đối với số tiền Quỹ bảo trợ trẻ em:

[2.1] Năm 2019:

- Theo cáo trạng, Quỹ BTTE năm 2019 bị cáo H chiếm đoạt **26.830.000 đồng** gồm: Xã Hưng Thạnh 17.550.000 đồng (Uyên nộp); Xã T 2 là 1.800.000 đồng (Nhàn nộp); Xã T 3.000.000 đồng (Đ nộp); xã T Tây 2.900.000 đồng (Cầm nộp); Xã T 1 là 1.580.000 đồng (Ánh nộp). Trong cáo trạng cũng có liệt kê các biên lai thu cụ thể số tiền trên.

- Tuy nhiên theo hồ sơ thể hiện tổng số tiền thu được theo bản kê Biên lai đã thu trong năm 2019 là 133.365.000 đồng (bl 125). Kế toán P giao cho bà Trang Thị Cẩm N1 nộp vào Quỹ ngày 14/6/2019 số tiền 50.900.000 đồng. Bị cáo H làm kế toán Quỹ BTTE từ ngày 09/8/2019. Bị cáo H giao cho bà N1 nộp vào Quỹ ngày 20/8/2019 số tiền 15.150.000 đồng. Ngày 04/9/2019 N1 đưa tiền nhờ bà Nguyễn Thị Thanh M nộp vào Quỹ số tiền 10.550.000 đồng. Bản thân H nộp Quỹ lần cuối vào ngày 24/9/2019 số tiền 42.960.000 đồng. Tổng số tiền nộp trong 04 lần vào Quỹ BTTE năm 2019 là 119.560.000 đồng. Như vậy số tiền còn chưa nộp vào quỹ chỉ là **13.805.000 đồng (**133.365.000 đồng - 119.560.000 đồng). Nhưng cáo trạng lại xác định bị cáo H chưa nộp Quỹ năm 2019 đến **26.830.000 đồng** và chiếm đoạt số tiền này là mâu thuẫn (chênh lệch dư 13.025.000 đồng)? Tại phiên tòa không xác định được 13.025.000 đồng từ đâu mà có? ai là người đang giữ số tiền này? và có hay không việc bị cáo chiếm đoạt số tiền dư này. Tại phiên tòa cán bộ thanh tra cho rằng số tiền dư này do bị cáo thu tiền mà không ra biên lai thu theo quy định, mà ra phiếu thu để chiếm đoạt. Tuy nhiên theo hồ sơ và cáo trạng lại thể hiện số tiền 26.830.000 đồng này được cộng từ các biên lai thu cụ thể có liệt kê chi tiết trong cáo trạng. Qua đối chiếu thì các biên lai này đều đã được bị cáo H cập nhật trong bản kê biên lai đã sử dụng trình cho giám đốc H1. Quá trình điều tra giám đốc H1 in bản kê này giao nộp cho Cơ quan điều tra có trong hồ sơ (bl từ 122 -130). Cáo trạng cũng không hề xác định bị cáo chiếm đoạt tiền

thông qua phiếu thu (chỉ xác định bị cáo chiếm đoạt tiền thông qua biên lai đã sử dụng) nên việc cán bộ thanh tra cho rằng số tiền này do bị cáo sử dụng phiếu thu để thu là không phù hợp.

- Tại phiên tòa bị cáo H khai nhận khi quyết toán biên lai thu của năm 2020 với phòng Tài chính thì phòng Tài chính đã phát hiện số tiền nộp vào quỹ còn thiếu so với biên lai đã sử dụng là 6.100.000 đồng nên bị cáo về chủ động kiểm tra lại quỹ của năm 2019 mới phát hiện còn chưa nộp quỹ năm 2019 là 13.805.000 đồng nên chủ động báo cáo lãnh đạo. Sau đó lãnh đạo có họp giải quyết theo biên bản ngày 05/9/2022. Tại biên bản xét duyệt quyết toán nguồn quỹ bảo trợ trẻ em năm 2020 của phòng Tài chính huyện T vào ngày 27/7/2022 có nội dung "quỹ bảo trợ trẻ em nộp quỹ (năm 2020) thiếu 6.100.000 đồng và kiến nghị nộp ngay vào quỹ để khắc phục" (bl 256). Như vậy lời trình bày của bị cáo H là phù hợp với nội dung biên bản này nên có cơ sở chấp nhận. Tại biên bản "Trao đổi với đồng chí N1 về việc thu nộp Quỹ BTTE huyện từ 2019 đến năm 2022" vào ngày 05/9/2022 thì bị cáo H xác định số tiền 13.805.000 đồng chưa nộp đã giao N1 đi nộp quỹ nên N1 đang giữ số tiền này. Phía chị N1 thì xác định bị cáo H giữ số tiền này chưa đưa. Cả hai bên đều chối tội. Bị cáo H kiến nghị đưa qua điều tra. Biên bản (bản photo) này do bị cáo nộp cho tòa án ở giai đoạn phúc thẩm không có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm anh H1 giám đốc quỹ BTTE xác nhận có sự việc như bị cáo H đã nêu và xác định hiện biên bản gốc biên bản trao đổi ngày 05/9/2022 mà bị cáo H nộp bản photo cho Tòa án còn lưu tại phòng Lao động – TBXH huyện. Nội dung biên bản này thể hiện số tiền quỹ chưa nộp năm 2019 là 13.805.000 đồng, đúng với số tiền chênh lệch giữa tổng thu theo biên lai năm 2019 là 133.365.000 đồng và tổng số tiền đã nộp quỹ năm 2029 là 119.560.000 đồng. Đây là tài liệu quan trọng có nội dung có tính chất gỡ tội cho bị cáo nhưng không được Cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định.

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện H là người thu và giữ tiền khi cán bộ xã lên nộp tiền theo lai. Tuy nhiên người nộp tiền vào Quỹ tại ngân hàng lại là thủ quỹ Trang Thị Cẩm N1. Như vậy dù H lúc đầu có giữ tiền nhưng sau đó vẫn phải giao cho N1 đem đi nộp quỹ. Chứng từ duy nhất chứng minh N1 nhận tiền là Phiếu thu thể hiện chỗ thủ quỹ có N1 ký nhận nhưng cáo trạng lại quy kết H giữ tiền và chiếm đoạt mà không có chứng cứ nào khác là chưa có cơ sở vững chắc. Tại phiên tòa chị N1 khai nhận các phiếu thu có chữ ký của chị nơi thủ quỹ là do chị ký khắc phục theo yêu cầu của phòng Tài chính để hợp thức hóa hồ sơ chứng từ cho đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên hiện tại không thể xác định

được những phiếu thu nào là ký khắc phục, những phiếu thu nào là được lập đúng quy định nên cần được điều tra làm rõ.

- Cáo trạng cũng cho rằng khi thu tiền H không lập phiếu thu đối với một số trường hợp để chiếm đoạt nhưng hồ sơ thể hiện toàn bộ những biên lai đã sử dụng thu tiền H không lập phiếu thu đều được cập nhật đầy đủ để quyết toán với phòng Tài chính từ đó phòng Tài chính mới phát hiện số nộp vào quỹ thấp hơn số thu theo biên lai như đã nói trên. Nếu có ý định chiếm đoạt thì H phải dấu đi hoặc có thủ đoạn khác che dấu những biên lai không lập phiếu thu kia để tránh bị phòng Tài chính phát hiện mới đúng. Ngoài ra, theo bị cáo H và các cán bộ xã khai nhận khi quyết toán tiền lai ở xã có khi nộp cho H, có khi nộp cho thủ quỹ N1. N1 khai sau đó giao lại H giữ. Tuy nhiên cuối cùng H vẫn phải giao tiền cho N1 để đi nộp vào quỹ. Tại phiên tòa H và N1 đều xác định khi đưa tiền đi nộp quỹ hai bên không hề có lập biên nhận hay giấy tờ giao nhận gì khác? Chỉ có ký nhận trong phiếu thu. Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ chưa đủ chứng minh được H hay N1 là người giữ số tiền quỹ năm 2019 chưa nộp là 13.805.000 đồng.

[2.2] Năm 2020: Cáo trạng xác định năm 2020 tổng số tiền thu được theo Biên lai là **118.922.000 đồng**, H giao cho bà Trang Thị Cẩm N1 nộp vào Quỹ số tiền **112.792.000 đồng**. H còn giữ lại số tiền 6.130.000 đồng chưa nộp, cộng với số tiền 70.000 đồng từ việc hủy biên lai thu số 004543 ngày 27/3/2020 của ông Nguyễn Đức T6 nộp nên tổng số tiền chưa nộp là 6.200.000 đồng. Trong số tiền 6.200.000 đồng, H đã quyết toán xong số tiền của ông Nguyễn Đức T6 nộp là 3.235.000 đồng theo Biên lai số 007251 và số tiền 1.920.000 đồng của ông Bùi Văn C nộp theo Biên lai số 007286. Tổng cộng là 5.155.000 đồng. Do đó H chiếm đoạt số tiền là **1.045.000 đồng**. Tuy nhiên, theo cung cấp của ngân hàng (bl 119) thủ quỹ N1 đã nộp trong năm 2020 tất cả 9 lần với tổng số tiền là **115.692.000 đồng** chứ không phải như cáo trạng xác định nộp quỹ chỉ có **112.792.000 đồng** (cáo trạng cộng thiếu 2.900.000 đồng do N1 nộp vào lần thứ 6 vào ngày 13/10/2020). Cáo trạng xác định bị cáo chiếm đoạt 1.045.000 đồng tiền quỹ trong năm 2020 nhưng nếu cộng chính xác thì N1 và bị cáo H đã nộp dư 1.855.000 đồng (2.900.000 đồng - 1.045.000 đồng). Số tiền dư này từ đâu mà có không xác định được.

[2.3] Năm 2021: Tổng số tiền thu được theo Biên lai là **42.190.000 đồng** (bl 130). H giao cho Nguyễn Thái B nộp trong năm 2021 vào Quỹ 12 lần với tổng số tiền **42.190.000 đồng** cụ thể như sau: Ngày 10/6/2021 B nộp lần 1 số tiền 2.850.000 đồng; Ngày 16/6/2021 B nộp lần 2 số tiền 9.100.000 đồng; Ngày 22/6/2021 B nộp lần 3 số tiền 1.000.000 đồng; Ngày 30/6/2021 B nộp lần 4 số tiền 3.300.000 đồng; Ngày 21/7/2021 B nộp lần 5 số tiền 1.850.000 đồng; Ngày

24/9/2021 B nộp lần 6 số tiền 2.000.000 đồng; Ngày 20/10/2021 B nộp lần 7 số tiền 6.080.000 đồng; Ngày 03/11/2021 B nộp lần 8 số tiền 700.000 đồng; Ngày 25/11/2021 B nộp lần 9 số tiền 400.000 đồng; Ngày 29/11/2021 B nộp lần 10 số tiền 6.700.000 đồng; Ngày 03/12/2021 B nộp lần 11 số tiền 5.650.000 đồng và Ngày 13/12/2021 B nộp lần 12 số tiền 2.560.000 đồng. Như vậy, H đã giao thủ quỹ nộp đủ không hề chiếm đoạt 400.000 đồng như cáo trạng quy kết dù quá trình điều tra H thừa nhận có chiếm đoạt số tiền 400.000 đồng.

[3] Từ các phân tích tại các phần [2.1], [2.2], [2.3] ở trên, nhận thấy nội dung vụ án còn nhiều vấn đề mâu thuẫn chưa được làm rõ; các cơ quan tố tụng huyện T tỉnh Tiền Giang đã có vi phạm thủ tục tố tụng khi chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ buộc tội cũng như gỡ tội nên cần hủy án giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại theo quy định pháp luật. Do án sơ thẩm bị hủy nên yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Thị Thúy H cấp phúc thẩm chưa xem xét.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và luật sư bào chữa cho bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự. Quyết định:

1. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát huyện T, tỉnh Tiền Giang để điều tra lại.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Võ Thị Thúy H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thanh B1- Nguyễn Thị Ánh Phương Lê Thanh V

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Vân

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CATG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND huyện Tân Phước;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Công an tỉnh Tiền Giang;
- THADS huyện Tân Phước;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.